## ****ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II –**** Năm 2021 - 2022

## ****Môn: ĐỊA LÍ 10****

**I. NỘI DUNG LÝ THUYẾT**

**1. Vai trò của công nghiệp**

- Đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

- Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác, củng cố an ninh quốc phòng.

- Tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, làm thay đổi sự phân công lao động, giảm thiểu sự chênh lệch về trình độ phát triền kinh tế giữa các vùng.

- Tạo ra nhiều sản phẩm mới, mở rộng sản xuất, thị trường lao động, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập.

**2. Đặc điểm của công nghiệp**

- Sản xuất công nghiệp gồm 2 giai đoạn

+ Giai đoạn 1: tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguyên liệu.

+ Giai đoạn 2: chế biến nguyên liệu để tạo ra tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng.

- Sản xuất công nghiệp có tính chất tập trung cao độ

+ Nhìn chung sản xuất công nghiệp không đòi hỏi những không gian rộng lớn.

+ Tính chất tập trung thể hiện rõ ở việc tập trung tư liệu sản xuất, nhân công và sản phẩm.

+ Trên một diện tích nhất định, có thể xây dựng nhiều xí nghiệp, thu hút nhiều lao động và tạo ra một khối lượng lớn sản phẩm.

- Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự kết hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

**3. Một số ngành công nghiệp chủ yếu**

**a) Công nghiệp điện tử - tin học**

- Vai trò: Là 1 ngành công nghiệp trẻ, được coi là một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước, đồng thời là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia.

- Đặc điểm:

+ Ít gây ô nhiễm môi trường.

+ Không chiếm diện tích rộng.

+ Không tiêu thụ nhiều kim loại, điện, nước.

+ Yêu cầu nguồn lao động trẻ, có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao.

- Cơ cấu ngành: 4 nhóm

+ Máy tính: thiết bị công nghệ, phần mềm.

+ Thiết bị điện tử: linh kiện điện tử, các tụ điện, các vi mạch.

+ Điện tử tiêu dùng: ti vi màu, cát sét, đồ chơi điện tử, đầu đĩa.

+ Thiết bị viễn thông: máy fax, điện thoại.

- Đứng đầu: Hoa Kì, Nhật Bản, EU,...

**b) Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng**

- Vai trò: Đáp ứng, giải quyết nhu cầu về may mặc và sinh hoạt của con người.

- Đặc điểm:

+ Sử dụng nhiên liệu, động lực và chi phí vận tải ít.

+ Chịu ảnh hưởng lớn của nhân tố lao động, thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu.

+ Vốn đầu tư ít, thời gian xây dựng tương đối ngắn, quy trình sản xuất tương đối đơn giản, thời gian hoàn vốn nhanh, lợi nhuận lớn, có khả năng xuất khẩu.

- Cơ cấu ngành:

+ Dệt - may: là một trong những ngành chủ đạo và quan trọng của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Giải quyết nhu cầu về may mặc cho người dân.

Một phần nguyên liệu cho các ngành công nghiệp nặng.

Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, nhất là lao động nữ.

Được phân bố rộng rãi ở nhiều nước, kể cả các nước đang phát triển dựa trên nguồn nguyên liệu tự nhiên và nhân tạo phong phú, nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

+ Da giày

Nhựa, sành - sứ - thủy tinh.

Sản phẩm: quần áo, giày dép,…

Phân bố: Trung Quốc, Ấn Độ Hoa Kì, Nhật Bản,…

Phân bố chủ yếu ở các nước trên do các nước này có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn, chủ động đựợc nguyên liệu để sản xuất.

Thị trường tiêu thụ: EU, Nhật Bản, Bắc Mĩ, LB Nga, các nước Đông Âu (đạt 150 tỉ USD/1 năm).

**c.Công nghiệp năng lượng:**

**Vai trò:**- Là ngành kinh tế quan trọng và cơ bản , nền sản xuất hiện đại chỉ phát triển được với sự tồn tại cuả cơ sở năng lượng, là tiền đề cuả tiến bộ khoa học kỹ thuật.

**Vai trò, trử lượng, sản lượng phân bố**: Gồm than, dầu, điện lực.

**\*Khai thác than:**

**- Vai trò:** + Nhiên liệu cho công nghiệp điện, luyện kim.

+ Nguyên liệu cho công nghiệp hoá học, dược phẩm

- **Trử lượng:** khoảng 13000 tỉ tấn trong đó ¾ là than đá

+ Khai thác khoảng 5 tỉ tấn /năm.

+ Nước khai thác nhiều :là những nước có trử lượng lớn: Hoa kỳ, LB Nga, Trung quốc….

**\*Khai thác dầu:**

**- Vai trò:** + Nhiên liệu quan trọng “vàng đen”.

+ Nguyên liệu cho công nghiệp hoá chất.

- Trử lượng ước tính 400-500 tỉ tấn, chắc chắn 140 tỉ tấn.

+ Khai thác khoảng 3,8 tỉ tấn/ năm.

**- Phân bố**: nước khai thác nhiều: các nước đang phát triển thuộc khu vực trung đông, bắc phi, mỹ la tinh, đông nam á…..

**\*Công nghiệp điện lực:**

**- Vai trò**: cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại, nâng cao đời sống văn minh

**- Trử lượng**: Điện được sản xuất từ nhiều nguồn khác nhau: Nhiệt điện, thuỷ điện, điện nguyên tử, tuabin khí…

**- Sản lượng**: khoảng 15000 tỉ kwh .

**- Phân bố**: chủ yếu ở các nước phát triển và nước công nghiệp hoá.

 **Vai trò của tổ chức lãnh thức công nghiệp**

- Sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên, vật chất và lao động

- Góp phần CNH - HĐH

 **d.Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp**

***\* Điểm CN***

- Đồng nhất với một điểm dân cư

- Gồm 1 đến 2 xí nằm gần nguồn nguyên - nhiên liệu công nghiệp hoặc nguồn nguyên liệu nông sản.

- Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp.

***\* Khu CN tập trung***

- Khu vực có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi.

- Tập trung tưong đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác SX cao.

- Sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa xuất khẩu.

- Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp.

***\*Trung tâm CN***

- Gắn với đô thị vừa và lớn, có vị trí địa lý thuận lợi.

- Bao gồm khu công nghiệp, điểm công nghiệp và nhiều xí nghiệp công nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ về sản xuất, kỹ thuật, công nghệ.

- Có các xí nghiệp nòng cốt ( hay hạt nhân).

- Có các xí nghiệp bổ trợ và phục vụ.

***\*Vùng CN***

- Vùng lãnh thổ rộng lớn.

- Bao gồm nhiều điểm, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp có mối liên hệ về sản xuất và có những nét tương trong quá trình hình thành công nghiệp.

- Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa.

- Có các ngành phục vụ và bổ trợ.

- *Vùng CN nổi tiếng trên TG:* vùng Loren ở Pháp, Rua ở Đức

**4. Ngành dịch vụ**

- **Vai trò ngành dịch vụ**

+ Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.

+ Sử dụng tốt hơn nguồn lao động trong nước, tạo thêm việc làm cho người dân.

+ Giúp khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các di sản văn hóa, lịch sử, di tích lịch sử.

+ Nâng cao đời sống tinh thần của con người.

**- Vai trò của ngành giao thông vận tải**

+ Tham gia vào việc cung ứng vật tư kĩ thuật, nguyên liệu, năng lượng cho các cơ sở sản xuất và đưa sản phẩm đến thị trường tiêu thụ.

+ Phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân.

+ Giúp các mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương được thực hiện.

+ Góp phần thúc đẩy hoạt dộng kinh tế - văn hóa ở vùng núi xa xôi, củng cố tính thống nhất của nền kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc phòng, tạo mối giao lưu kinh tế giữa các nước trên thế giới.

***- Các nhân tố ảnh hường tới phát triển và phân bố ngành GTVT***

**+ Điều kiện tự nhiên**

Vị trí địa lí: qui định sự có mặt và vai trò của 1 số loại hình vận tải.

Vd: Nhật, Anh GTVT đường biển có vị trí quan trọng. Vùng hoang mạc khí hậu khô hạn giao thông chủ yếu bằng lạc đà, ô tô, trực thăng. Vùng Bắc Cực có nhiều tuyết, đóng băng dày nên giao thông có xe quệt, tàu phá băng, trức thăng,…

Điạ hình: ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình GTVT. Vd: núi, eo biển phải xây dựng hầm, đèo,…

Khí hậu, thời tiết: có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hoạt động của các phương tiện vận tải. Vd: sương mù máy bay không hoạt động được,…

**+ Điều kiện kinh tế - xã hội**

Trình độ phát triền kinh tế có ý nghĩa quyết định.

Qui định mật độ GTVT.

Sự phân bố và hoạt động của các loại hình GTVT.

Sự phân bố dân cư, các thành phố lớn và các chùm đô thị có ảnh hưởng sâu sắc đến sự vận tải hành khách, nhất là vận tải bằng ô tô,…

*-* ***Vai trò của thương mại:***

+ Nối liền giữa sản xuất và tiêu dùng.

+ Điều tiết sản xuất.

+ Mở rộng trao đổ hàng hóa.

+ Thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

+ Hướng dẫn tiêu dùng.

*- Nội thương:* Trao đồi hàng hóa dịch vụ trong một quốc gia có vai trò tạo ra thị trường thống nhất trong nước -> Thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ.

*- Ngoại thương:* Trao đổi hàng hóa dịch vụ giữa các quốc gia có vai trò -> Làm tăng nguồn thu ngoại tệ.

**5. Các loại hình giao thông vận tải**

***- Đường biển***

*+ Ưu điểm:* Đảm đương chủ yếu việc GTVT trên các tuyến đường quốc tế (vận tải viễn dương).

Khối lượng luân chuyển hàng hóa rất lớn.

Giá cả tương đối rẻ.

*+ Nhược điểm:*

Đe dọa gây ô nhiễm biển và đại dương, nhất là vùng nước gần cảng.

Phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên => dễ gây thiệt hại lớn.

***- Đường hàng không***

***+ Ưu điểm:***

Vận chuyển nhanh không loại phương tiện nào sánh kịp -> Đảm bảo mối giao lưu quốc tế.

Sử dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học - kĩ thuật -> Độ an toàn và tiện nghi cao.

***+ Nhược điểm****:*

Cước phí vận tải lớn -> Trọng tải thấp.

Chi phí lớn.

Phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết.

Gây ô nhiễm môi trường - thủng tầng ô-zôn, làm tăng bệnh ung thư, đặc biệt là ung thư da,…

**II. MỘT SỐ CÂU HỎI ÔN TẬP**

**1. Trắc nghiệm**

**Câu 1.** Tiêu chuẩn để phân loại công nghiệp thành hai ngành công nghiệp cơ bản và công nghiệp chế biến là

A. mức độ tập trung trong sản xuất. B. sản xuất bằng máy móc.

C. có hai giai đoạn sản xuất. D. nhiều ngành có sự phối hợp chặt chẽ.

**Câu 2.** Nhân tố tác động đến việc lựa chọn nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ cấu ngành công nghiệp là

A. tự nhiên. B. vị trí địa lí. C. kinh tế - xã hội. D. con người.

**Câu 3.** Cung cấp hầu hết các tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho tất cả các ngành kinh tế là vai trò của ngành nào sau đây?

A. Nông nghiệp.     B. Xây dựng. C. Công nghiệp.      D. Dịch vụ.

**Câu 4.** Công nghiệp được chia thành công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến dựa trên cơ sở

A. công dụng kinh tế của sản phẩm. B. các công đoạn tạo ra sản phẩm.

C. thị trường tiêu thụ sản phẩm. D. tính chất tác động đến đối tượng lao động.

**Câu 5.** Những quốc gia nào sau đây sản xuất nhiều than đá nhất?

A. Trung Quốc, Hoa Kì, Nga. B. Pháp, Anh, Đức.

C. Ba Lan, Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a. D. Hoa Kì, Nga, Anh.

**Câu 6.** Trong cơ cấu sản lượng điện của thế giới hiện nay, ngành nào chiếm tỷ trọng cao nhất?

A. Nhiệt điện. B. Thủy điện. C. Điện nguyên tử. D. Năng lượng mới.

**Câu 7.** Ngành công nghiệp nào sau đây **không**thuộc ngành năng lượng?

A. Khai thác than. B. Khai thác dầu khí. C. Điện lực. D. Lọc dầu.

**Câu 8.** Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới?

A. Cơ khí. B. Năng lượng. C. Điện tử - tin học. D. Sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 9.** Quốc gia và khu vực nào sau đây đứng đầu thế giới về lĩnh vực công nghiệp điện tử - tin học?

A. ASEAN, Ca-na-da, Ấn Độ. B. Hoa Kì, Nhật Bản, EU.

C. Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a, Xin-ga-po. D. Hoa Kì, Trung Quốc, Nam Phi.

**Câu 10.** Khu công nghiệp tập trung có đặc điểm nào sau đây?

A. Gắn với đô thị vừa và lớn. B. Có ranh giới địa lí xác định.

C. Gồm 1 đến 2 xí nghiệp. D. Có ngành công nghiệp chủ đạo.

**Câu 11.** Trung tâm công nghiệp thường là

A. các thành phố vừa và lớn. B. các vùng lãnh thổ rộng lớn.

C. các thành phố nhỏ. D. tổ chức ở trình độ thấp.

**Câu 12.** Gồm 1 - 2 xí nghiệp riêng lẻ, phân bố gần vùng nguyên nhiên liệu và đồng nhất với một điểm dân cư là đặc điểm nổi bật của hình thức sản xuất công nghiệp nào sau đây?

A. Vùng công nghiệp. B. Điểm công nghiệp.

C. Trung tâm công nghiệp. D. Khu công nghiệp tập trung.

**Câu 13.** Các dịch vụ hành chính công, các hoạt động đoàn thể,... thuộc nhóm ngành dịch vụ?

A. Kinh doanh. B. Tiêu dùng. C. Dịch vụ công. D. Bảo hiểm.

**Câu 14.** Vai trò nào sau đây**không** đúng với ngành dịch vụ?

A. Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển mạnh.

B. Trực tiếp sản xuất ra máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

C. Cho phép khai thác tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

D. Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

**Câu 15.** Nhận định nào sau đây đúng với ngành dịch vụ?

A. Phụ thuộc cho các yêu cầu trong sản xuất và sinh hoạt.

B. Trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất.

C. Tham gia vào khâu cuối cùng của các ngành sản xuất.

D. Ít tác động đến tài nguyên môi trường.

**Câu 16.** Ngành dịch vụ nào sau đây **không** thuộc nhóm ngành dịch vụ kinh doanh?

A. Giao thông vận tải. B. Tài chính. C. Bảo hiểm. D. Các hoạt động đoàn thể.

**Câu 17.** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng sâu sắc tới sự vận tải hành khách, đặc biệt là bằng đường bộ?

A. Quy mô, cơ cấu dân số. B. Phân bố dân cư, đô thị.

C. Trình độ phát triển kinh tế. D. Truyền thống, phong tục tập quán.

**Câu 18.** Tiêu chí nào **không** để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

A. Cước phí vận tải thu được. B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển. D. Cự li vận chuyển trung bình.

**Câu 19.** Cảng biển lớn nhất thế giới trước đây gắn liền với việc ra đời của ngành bảo hiểm là

A. NewYork. B. Rotterdam. C. London. D. Kôbê.

**Câu 20.** Ở các vùng hoang mạc nhiệt đới, người ta chuyên chở hàng hóa bằng

A. máy bay. B. tàu hóa. C. ô tô. D. gia súc.

**Câu 21.** Nhân tố ảnh hưởng quyết định tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải là

A. địa hình. B. khí hậu, thuỷ văn.

C. sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.

D. sự phân bố dân cư.

**Câu 22.** Bằng phát minh sáng chế của các nhà bác học được mua để sử dụng có thể xem là

A. chất xám. B. tiền tệ. C. hàng hóa. D. thương mại.

**Câu 23.** Thị trường được hiểu là nơi

A. tiến hành trao đổi những sản phẩm hàng hóa. B. gặp gỡ giữa bên bán bên mua.

C. diễn ra tất cả các hoạt động dịch vụ. D. có các chợ và siêu thị.

**Câu 24.** Theo quy luật cung - cầu, khi cung lớn hơn cầu thì giá cả có xu hướng

A. tăng, sản xuất có nguy cơ đinh đốn. B. giảm, sản xuất có nguy cơ đình đốn.

C. tăng, kích thích mở rộng sản xuất. D. giảm, kích thích mở rộng sản xuất.

**Câu 25.** Khi giá trị hàng nhập khẩu lớn hơn giá trị hàng xuất khẩu thì gọi là

A. xuất siêu. B. nhập siêu.

C. cán cân xuất nhập dương. D. cán cân xuất nhập âm.

**2. Tự luận**

**Câu 1.** Cho biết sự khác biệt của sản xuất công nghiệp so với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp?

- Sản xuất công nghiệp:

+ Sản xuất công nghiệp bao gồm hai giai đoạn: giai đoạn tác động vào đối tượng lao động là môi trường tự nhiên để tạo ra nguyên liệu và giai đoạn chế biến nguyên liệu đó thành tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng.

+ Sản xuất công nghiệp có tính chất tập trung cao độ.

+ Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

- Đặc điểm sản xuất nông nghiệp:

+ Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.

+ Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là các cây trồng và vật nuôi.

+ Sản xuất nông nghiệp có tính thời vụ.

+ Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

+ Trong nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa.

**Câu 2.** Tại sao phần lớn các hải cảng lớn trên thế giới lại phân bố chủ yếu ở hai bờ Đại Tây Dương?

Hai bờ Đại Tây Dương (chủ yếu là Bắc Đại Tây Dương) là hai trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới (EU và Bắc Mĩ). Các cảng ở đây vừa có hậu phương cảng rộng lớn nhất và phát triển, vừa có các vùng tiền cảng rất phát triển.

**Câu 3.** Nêu vai trò và đặc điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

- Vai trò: Là một ngành công nghiệp trẻ, được coi là một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước, đồng thời là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia.

- Đặc điểm:

+ Ít gây ô nhiễm môi trường.

+ Không chiếm diện tích rộng.

+ Không tiêu thụ nhiều kim loại, điện, nước.

+ Yêu cầu nguồn lao động trẻ, có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao.

**Câu 4.** Vì sao ngành công nghiệp thực phẩm lại được phân bố rộng rãi ở nhiều nước, kể cả các nước phát triển?

- Công nghiệp thực phẩm thuộc ngành công nghiệp nhẹ, chủ yếu cung cấp sản phẩm như thực phẩm đã qua chế biến: sữa hộp, rượu, bia, nước ngọt,…

- Các ngành này hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn cả trong và ngoài nước, nguyên liệu tại chỗ nhằm thỏa mãn nhu cầu các loại hàng hóa thông thường về ăn, uống, thay thế nhập khẩu, góp phần đẩy mạnh xuất khẩu với các ngành công nghiệp nặng.

- Ngành công nghiệp thực phẩm đòi hỏi vốn đầu tư ít, thời gian xây dựng tương đối ngắn, quy trình sản xuất không phức tạp, thời gian hoàn vốn nhanh.

-> Vì thế các quốc gia trên thế giới, kể cả các nước phát triển và đang phát triển đều chú trọng đẩy mạnh tùy theo thế mạnh và truyền thống của mỗi nước để đáp ứng nhu cầu cuộc sống, giải quyết việc làm, góp phần cho xuất khẩu và nâng cao thu nhập.

**Câu 5.** Nêu vai trò và đặc điểm của công nghiệp?

\* Vai trò của công nghiệp (sgk)

\* Đặc điểm của công nghiệp(sgk)

**Câu 6.** Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?

- Vị trí địa lí.

- Tự nhiên (là điều kiện, tiền đề để phát triển công nghiệp): khí hậu, nước, biển, đất, rừng, khoáng sản,…

- Kinh tế - xã hội: cơ cấu ngành kinh tế.

+ Chính trị: hình thức tổ chức lãnh thổ.

+ Dân cư - lao động.

+ Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

+ Thị trường.

+ Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kĩ thuật.

+ Đường lối chính sách.

**Câu 7.** Thế nào là ngành dịch vụ? Hãy nêu cơ cấu, vai trò, đặc điểm và xu hướng phát triển của ngành dịch vụ?

- Khái niệm: Ngành dịch vụ là ngành không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất nhưng làm cho hàng hóa tăng thêm giá trị.

- Cơ cấu: gồm 3 nhóm:

+ Dịch vụ kinh doanh: vận tải, thông tin liên lạc, tài chính, bảo hiểm,…

+ Dịch vụ tiêu dùng: các hoạt động bán buôn, bán lẻ, du lịch,…

+ Dịch vụ công: y tế, giáo dục, thể dục, thể thao,…

- Vai trò:

+ Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.

+ Sử dụng tốt hơn nguồn lao động và tạo nhiều việc làm.

+ Khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử và các thành tựu khoa học kĩ thuật.

- Đặc điểm và xu hướng phát triển:

+ Hiện nay phát triển nhanh.

+ Cơ cấu lao động trong ngành dịch vụ tăng nhanh.

+ Có sự tách biệt rất lớn về cơ cấu lao động tham gia trong ngành dịch vụ giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển.

**Câu 8.** Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ?

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân tố** | **Ảnh hưởng** |
| Trình độ phát triển kinh tế.Năng suất lao động. | Đầu tư, bổ sung lao động  cho ngành dịch vụ. |
| Quy mô, cơ cấu dân số. | Nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ. |
| Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư. | Mạng lưới ngành dịch vụ. |
| Truyền thống VH, phong tục tập quán. | Hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ. |
| Mức sống và thu nhập thực tế. | Sức mua, nhu cầu dịch vụ. |
| Tài nguyên thiên nhiên.Di sản văn hóa lịch sử.Cơ sở hạ tầng du lịch. | Sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ du lịch. |

**Câu 10.** Hãy nêu vai trò và đặc điểm ngành giao thông vận tải?

\* Vai trò

- Tham gia cung ứng vật tư kĩ thuật, nguyên liệu, giúp cho các quá trình sản xuất diễn ra liên tục, bình thường.

- Phục vụ cho nhu cầu đi lại của người dân.

- Góp phần thực hiện các mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương, giao lưu kinh tế giữa các nước trên thế giới.

- Thúc đẩy hoạt động kinh tế - xã hội những vùng xã hội.

- Tăng cường sức mạnh quốc phòng.

\* Đặc điểm: Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là chuyên chở người và hàng hóa. Chất lượng của sản phẩm dịch vụ này được đo bằng tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, sự an toàn cho hành khách và hàng hóa,…

\* Chỉ tiêu đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải:

- Khối lượng vận chuyển (người và tấn hàng hóa).

- Khối lượng luân chuyển (người.km và tấn.km).

- Cự li vận chuyển trung bình (km).

**Câu 11.** Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải?

\* Điều kiện tự nhiên

- Điều kiện tự nhiên quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình vận tải.

- Điều kiện tư nhiên có ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.

Ví dụ: địa hình núi non hiểm trở đòi hỏi phải làm các công trình chống lở đất gây tắc nghẽn giao thông trong mùa mưa lũ, hoặc phải làm các đường hầm xuyên núi, các cầu vượt khe sâu,…

- Khí hậu và thời tiết có ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải.

\* Điều kiện kinh tế - xã hội

- Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân quyết định sự phát triển, phân bố, sự hoạt động của ngành giao thông vận tải.

Ví dụ: Trước hết, các ngành kinh tế khác đều là các khách hàng của ngành giao thông vận tải. Ở các vùng kinh tế phát triển lâu đời, mạng lưới đường dày đặc hơn nhiều so với ở vùng mới khai thác. Các vùng tập trung công nghiệp đều phát triển vận tải đường sắt và vận tải bằng ô tô hạng nặng. Mỗi loại hàng hoá cần vận chuyển lại có yêu cầu riêng về phương tiện vận tải. Sự phân bố các cơ sở kinh tế có nhu cầu vận chuyển các loại hàng này sẽ quy định việc tổ chức vận tải của từng loại phương tiện.

- Sự phân bố dân cư, đặc biệt là các thành phố lớn, các chùm đô thị ảnh hưởng sâu sắc tới vận tải hành khách.

**Câu 12.** Nêu tác động của các ngành kinh tế đến ngành giao thông vận tải?

- Khách hàng

+ Yêu cầu về khối lượng vận tải.

+ Yêu cầu về cự li, thời gian giao nhận,…

+ Yêu cầu về tốc độ vận chuyển, các yêu cầu khác.

-> Lựa chọn loại hình vận tải phù hợp, hướng và cường độ vận chuyển.

- Trang bị cơ sở vật chất

+ Đường sá, cầu cống.

+ Các phương tiện vận tải.

-> Sự phân bố và hoạt động của các loại hình vận tải

**Câu 13.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc ảnh hưởng như thế nào đến ngành giao thông vận tải?

* \* Thuận lợi
* - Với hệ thống sông ngòi kênh rạch dày đặc là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển mạnh giao thông đường thủy. Thúc đẩy trao đổi hàng hóa, thúc đẩy thương mại phát triển.

- Một số sông lớn là địa điểm xây dựng cảng sông với quy mô nhỏ.

\* Khó khăn

- Hệ thống sông ngòi chủ yếu là sông nhỏ ngắn dốc nên khó khăn cho việc đi lại và phát triển giao thông một cách toàn diện.

- Ở nước ta, mực nước lên xuống theo mùa chính vì vậy cũng rất khó khăn khi mùa nước cạn.

**Câu 14.** Khái niệm về thị trường, hàng hóa, vật ngang giá?

- Thị trường là nơi gặp gỡ giữa người bán và người mua.

- Hàng hóa là vật được đem ra mua bán trên thị trường. Có 2 thuộc tính: giá trị trao đổi và giá trị sử dụng.

- Vật ngang giá là thước đo giá trị của hàng hóa. Vật ngang giá hiện tại là tiền, vàng.

**Câu 15.** Vai trò của ngành thương mại? Thương mại có mấy ngành lớn?

\* Vai trò

- Thương mại là khâu nối liền sản xuất vs tiêu dùng thông qua việc luân chuyển hàng hóa, dịch vụ giữa người bán và người mua.

- Điều tiết sản xuất và hướng dẫn tiêu dùng.

- Ngành thương mại phát triển giúp cho sự trao đổi được mở rộng.

- Thúc đẩy sự phát triển sản xuất hàng hóa.

\* Phân loại: có 2 ngành lớn

- Nội thương: trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một quốc gia.

- Ngoại thương: trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia.

**Câu 16.** Trình bày cán cân xuất nhập khẩu và cơ cấu xuất nhập khẩu?

\* Cán cân xuất nhập khẩu

- Cán cân xuất nhập khẩu là hiệu số giữa giá trị xuất khẩu (XK) và nhập khẩu (NK).

- Nếu: Giá trị XK > giá trị NK -> xuất siêu.

                             Giá trị XK < giá trị NK -> nhập siêu.

                              Giá trị XK = giá trị NK -> cân đối.

- Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu

+ Các mặt hàng xuất khẩu có thể chia làm 2 nhóm: nguyên liệu chưa qua chế biến và các sản phẩm đã qua chế biến.

+ Các mặt hàng nhập khẩu có thể chia thành các nhóm: tư liệu sản xuất (nguyên liệu, máy móc,…) và sản phẩm tiêu dùng.

- Ngoài ra còn xuất khẩu các dịch vụ thương mại.

\* Cơ cấu hàng xuất khẩu

- Các nước đang phát triển:

+ Xuất: sản phẩm cây công nghiệp, lâm sản, nguyên liệu và khoáng sản.

+ Nhập: sản phẩm của CN chế biến, máy công cụ, lương thực, thực phẩm.

- Các nước phát triển: ngược lại.

**Câu 17.** Trình bày đặc điểm của thị trường thế giới?

- Toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới là xu thế quan trọng nhất.

- Châu Âu, Châu Á, Bắc Mĩ có tỉ trọng buôn bán trong nội vùng và trên thế giới đều lớn.

- Khối lượng buôn bán trên thế giới tăng liên tục trong những năm qua.

- Ba trung tâm buôn bán lớn nhất thế giới là Hoa Kì, Nhật Bản và Tây Âu.

- Hoa Kì, Nhật Bản, CHLB Đức, Anh, Pháp là các cường quốc về xuất, nhập khẩu.

**Câu 18.** Hãy nêu đặc điểm của các ngành giao thông vận tải đường biển và đường hàng không?

- Đường biển

+ Ưu điểm: Đảm nhận phần lớn khối lượng hàng hóa quốc tế, khối lượng luân chuyển rất lớn, giá rẻ,…

+ Nhược điểm: Ô nhiễm môi trường biển, chi phí xây dựng cảng nhiều,...

- Đường hàng không

+ Ưu điểm: Vận tốc nhanh, không phụ thuộc vào địa hình,…

+ Nhược điểm: Khối lượng vận chuyển nhỏ, vốn đầu tư lớn, cước phí cao, ô nhiễm môi trường.